



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____

VEWL.# _____

I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM HUYNH MINH MÂN
Last Middle First

Current Address: RR 8 Cù Xá Bắc Hải - P.25 - Q.10 - TP HCM

Date of Birth: 12/21/26 Place of Birth: VN - Long An

Previous Occupation (before 1975) Lt - Col -
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 1 June / 75 To Aug. 18. 84
Years: 9 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: DANG THI NGAN
Name _____
Address and Telephone Number _____

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Huỳnh Minh Mân -
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
01 - Hoàng Liên Châu	Sept. 27 - 32	wife -
02 - Huỳnh Mỹ Dung	11/12/56	daughter -
03 - Huỳnh Minh Triết	May/12/ 1965	son -

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Kính gửi: Hội gia đình tù nhân
chính trị V.N.

PO BOX 5435 ARLINGTON
VA 22205 - 0635 . USA

HUYNH MINH MÂN - sinh 21.12.1926
Trung tá - Trưởng đoàn thanh tra BỘ TTM.
Số quân: 103 031
USCC Ref. No 75619 - Nov. 6, 1984
Chức vụ: I V. Chức vụ: LOI
Địa chỉ thân nhân tại Pháp:
Mẹ: HUYNH

yêu cầu Hội liên lạc và cho biết kết
quả về hồ sơ xin nhập cảnh.
Thành thật cảm ơn.

Mr: HUYNH

Claim Check
No.
475210

☐ HOD

Date

4-10

POST NO.

R
LR5011

PARIS
PALAIS ROYAL
11 04 88 18H
75001

REPUBLIQUE
FRANCAISE
0019.70
POSTES
G2 PC75649

To: Hội Gia đình Tù nhân
chính Trị Việt Nam

PO Box 5435 ARLINGTON
VA 22205-0635.



U.S.A

PAR AVION
VIA AIR MAIL

NAME OF DEPENDENT ACCOMPANYING	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA
HOANG LIEN CHAU	1932	WIFE
HUYNH MY DUNG	1963	DAUGHTER
HUYNH MINH TRIET	1965	SON

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT: HUYNH MINH MÃN

Page 2

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

PO. BOX 5435. ARLINGTON. VA 22205. 0635. TELEPHONE: 703.560.0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

IV # None

VEWL # None

1-171 # None

1 APPLICANT IN VIETNAM: HUYNH MINH MÃN

Current Address: R R 8 Củ Xá Bắc Hải. Phường 25. Quận 10. Hồ Chí Minh City

Date of birth: Dec 21, 1926 Place of Birth: LONG AN. VIỆT NAM.

Previous Occupation (before 1975): Lieutenant Colonel

Inspection team chief IG. JGS

2. TIMES SPENT IN RE. EDUCATION CAMP: From June 15, 1975 to Aug 18, 1984

3 SPONSOR'S NAME: ĐẶNG THỊ NGÂN.

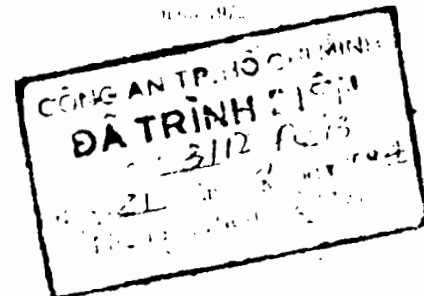
4. RELATIVES / ACQUAINTANCES IN THE US: None

Date Prepared: May 9, 1988

ĐOÀN NỘI VỤ
Hội đồng Tân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã số 081/01-02/ĐM
Khu vực: Công an
Số ngày: 27 tháng 12
năm 1984



GIẤY RA TRẠI

Thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng Tân, ngày 07 tháng 07 năm 1984

Thực hiện văn bản quyết định số 315

ngày 07 tháng 07 năm 1984

của **Bộ nội vụ**

Nay cấp giấy thả (hoàn cảnh, chỉ có tên sau đây):

Họ tên (chính xác):

HUYỀN MINH MÂN

Sinh năm 1926

Chức vụ (nếu khác):

Huyền Minh Mân

Nơi sinh:

Long an

Nội dung văn bản (nếu khác) thường trú trước khi bị bắt: **RR3 cư xá bắc hải quận 10 T/P HỒ CHÍ MINH.**

Cán bộ: **Trung tá trưởng phòng thanh tra BTM.**

Ngày bắt: **15/06/75**

Án phạt: **TTCT**

Theo quyết định, án phạt số: ngày tháng năm của

Đã bị tước án: lần, cộng thành: nam tháng

Đã được giảm án: lần, cộng thành: nam tháng

Nay về cư trú tại: **RR3 cư xá bắc hải quận 10 T/P HỒ CHÍ MINH.**

Nhân xét quá trình cải tạo:

Tư tưởng: **Quá trình cải tạo không có biểu hiện gì xấu chịu sự giáo dục của cách mạng.**

Lao động: **tham gia đủ ngày công hoàn thành công việc được giao**

Nội quy: **chấp hành nghiêm không sai phạm gì lớn.**

Học tập: **tham gia đều nhận thức chuyển biến khá.**

(quản chế 12 tháng)

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Nơi trú quán

Trước ngày tháng năm 19

Cấp: (nếu có)

Cấp: **Huyền Minh Mân**

Đang: (nếu có)

Lưu: (nếu có)

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

HUYỀN MINH MÂN

Ngày 18 tháng 08 năm 1984

P. Giám thị

Đại lý: **TRẦN ĐỨC TÝ**

GIẤY THẺ-VÌ HÔN-THÚ CHO

Huỳnh-Minh-Mẫn và Hoàng-Iiên-Châu

Năm một ngàn chín trăm 72 ngày 2 tháng 8 hồi 8 giờ 30,
Trước mặt chúng tôi là PHẠM VĂN TƯ Chánh-Án Tòa Hòa-Giải
Saigon, tại văn-phòng chúng tôi, 115 Đại-lộ Nguyễn-Huệ có Lục-sự
phụ-tá
TRAN VAN ANH
ĐÃ TRÌNH DIỄN,

- 1.- NGUYỄN VĂN ĐAO
- 2.- TRƯƠNG THANH TONG
- 3.- PHẠM VĂN NHỊEM

Những nhân chứng này đã tuyên-thệ và khai quả-quyết biết chắc

- Huỳnh-Minh-Mẫn, sanh ngày 21-12-1926 tại Tuyên-Thạnh, Tân-An,
con của Ông Huỳnh-văn-Châu (c) và Bà Nguyễn-thị-Kha .

- và Hoàng-Iiên-Châu, sanh ngày 27-9-1932 tại tỉnh lỵ Cao-Bằng,
con của Ông Hoàng-quang-Ott (c) và Bà Trần-thị-Xuân ./

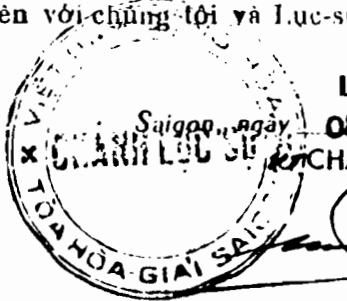
Và biết hai đảng có làm hôn-thú bậc nhất ngày 29 tháng 12 năm 1953
tại làng Hà-Nội.-

Và dục-cớ mà Huỳnh-Minh-Mẫn không có thẻ xin sao-lục
bản-thủ được, là vì sự giao thông gian-đoạn.

Mấy nhân-chứng đã xác nhận trên đây, nên chúng tôi phát giấy thẻ-vì hôn-thú
này cho đương-sự để xử-dụng theo luật, chiếu theo Nghị-Dịnh ngày 17 tháng 11 năm
1917 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phần Việt-Nam. Các điều 363 và tiếp
theo của Bộ Hình-luật Canh-cải phạt tội nguy chứng về việc Hộ từ 2 đến 5 năm tù và
phạt bạc từ 200 đến 8 000 đồng đã được đọc cho các nhân-chứng và nguyên-dơn nghe.

Và các nhân-chứng có ký tên với chúng tôi và Lục-sự sau khi đọc lại.

Ký tên không rõ:



Lục sao y: CANG / 20
Saigon, ngày 08 tháng 8 năm 1972
CHÁNH LỤC-SỰ

GIÁ TIỀN: 20,000

(1) Chi tiết cần nhắc lại mỗi
khi xin cấp thêm bản sao.

Tên của luật

HỘ - TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi ba (1963)

Tên, họ đứa nhỏ . . .	Huỳnh Mỹ Dung
Phai.	nữ
Ngày sanh	mười hai tháng mười một năm một ngàn chín trăm sáu mươi ba 12/11/40
Nơi sanh	Saigon 101 Trần quý Cáp
Tên, họ người Cha . . .	Huỳnh Minh Hân
Tuổi.	ba mươi bảy
Nghề-nghiệp.	sĩ quan CÔNG AN
Nơi cư-ngụ	Saigon, 311/3 Phan thanh Giản
Tên, họ người Mẹ. . .	Hoàng Liên Châu
Tuổi.	ba mươi một
Nghề-nghiệp.	giáo viên tư thục
Nơi cư-ngụ	Saigon, 311/3 Phan thanh Giản
Vợ chánh hay thứ. . .	vợ chánh

Làm tại Saigon, ngày 14 tháng 11 năm 1963

Đã khai báo (Quản lý)



TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÍNH: 2.6

Saigon, ngày 16 tháng 12 năm 1963
11 QUẬN-TRƯỞNG QUẬN

PHUỐC HÒA

ĐÔ THÀNH SAIGON

Tòa Hành-Chánh Quận Ba

Số hiệu: 1530

HỘ - TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi lăm (1965)

Tên, họ đứa nhỏ . . .	Nguyễn Minh Triết
Phái.	nam
Ngày sinh	mười hai tháng năm năm một ngàn chín trăm sáu mươi lăm 06/45
Nơi sinh	Saigon, đường dương Saint Paul
Tên, họ người Cha . . .	Nguyễn Minh Mẫn
Tuổi.	ba mươi chín
Nghề-nghiep.	sĩ quan
Nơi cư-ngụ	Saigon, 31L/5 Phan thanh Giản
Tên, họ người Mẹ. . .	Hoàng Liên Châu
Tuổi.	ba mươi ba
Nghề-nghiep.	nội trợ
Nơi cư-ngụ	Saigon, 31L/5 Phan thanh Giản
Vợ chánh hay thứ. . .	vợ chánh

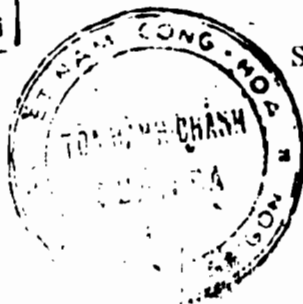
Lâm tại Saigon, ngày 11 tháng 5 năm 1965

MIỄN LỆ-PHI
Bề nạo H&S&A Viên-B&I

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH: 1.6

Saigon, ngày 11 tháng 12 năm 1968

11 QUẬN-TRƯỞNG QUẬN Ba



NGUYỄN VĂN CHÁNH

EMBASSY OF THE
UNITED STATES OF AMERICA
DEFENSE ATTACHE OFFICE
FPO San Francisco 9620

AOSOP-OT
LETTER ORDERS
NUMBER 6-67

6 June 1973

SUBJECT: Invitational Travel Order Army VS- 001-74 (1) (Service)

Grade; Name; Svc No; Branch; (US Equiv Grade); Score and Date of ECL

TO: *Trung Ta Huynh Minh MAN 46/103.031 ORL LTC (OIC) 89/21 Apr 73
 Trung Ta Do Trong KHOI 52/301.910 SF (LTC) 88/21 Apr 73
 Trung Ta Nguyen Van KHA 52/305.686 INF (LTC) 85/21 Apr 73
 Trung Ta Quoc TUAN 48/300.366 FIN LTC 84/21 Apr 73
 NO OTHERS

7109A	N1G	VW33	B171768	1-250-C2	
7109B	N1D	VW34	B149544	8A-F6	18P
(WCN)	(GEN)	(RCN)	(ITEM NO.)	(CRS NO.)	(QS)

1. The Individuals listed above, members of the Army of the Republic of Vietnam (ARVN), are authorized and invited to proceed on or about 17 June 1973 from their present stations to the continental United States arriving at Travis AFB, CA., or San Francisco International Airport as applicable, for the purpose of attending courses indicated below:

a. Course, School, and Location (in order of attendance): (1) Command and General Staff Officer Course, U.S. Army Command and General Staff College, Ft Leavenworth, Kansas; (2) Senior Officer Preventive Maintenance, U.S. Army Armor School, Fort Knox, Kentucky.

b. Reporting date: (1) 19 Jun 73 (2) 9 Jun 74

c. Ending date: (1) 7 Jun 74 (2) 14 Jun 74

2. If travel is performed on MAC aircraft, the individuals named herein will report upon arrival in the United States to Passenger Liaison Office, Allied Liaison Section (Rm 42 Main Terminal Building), Travis AFB, CA., who will issue a transportation request for travel to Fort Leavenworth, Kansas.

3. Upon completion of training, the named individuals are authorized 15 days leave in CONUS under the provisions of para 2-23a(1), AR 550-50. Upon completion of training/leave they will return to Travis AFB, CA., for transport to proper station in Vietnam. Commercial transportation authorized when military transportation is not available.

4. US Security requirements have been complied with.

5. Individuals named herein are authorized to transport 66 lbs of personal baggage and 34 lbs of excess baggage for a total of 100 lbs gross weight of personal baggage

at MAP expense to the United States and return, IAW AR 550-50. Baggage will accompany the trainee. Retainable instructional material will be shipped in accordance with para. 6-23, AR 550-50, chargeable to the fund citation in para. 7 this order.

6. No training other than that specified in para. 1 above will be conducted on the basis of these orders. The Government of the Republic of Vietnam has authorized the individuals to participate in flights in military aircraft during training. Travel by military aircraft on a space available basis is not authorized.

7. Living allowance authorized while in the United States will be IAW para. 6-27, AR 550-50. The finance officer effecting disbursement of funds will forward one copy of the executed voucher to the DAO Comptroller, ATTN: AOSSS-CU, FPO San Francisco 96620. Travel and living allowance expenses authorized are chargeable to: TRAVEL 2132020 80-5010 P818097.12000.2190 S94627 (W13YD0043799FR) CIC 2032020 080 94627. PERDIEM 2132020 80-5010 P818097.12000.2100 S94627 (W13YD0043700FR). Beginning 1 July 1973 are chargeable to: TRAVEL 2142020 80-5010 P818097.12000.2190 S94627 (W14YD00437FR) CIC 2042020 080 94627. PERDIEM 2142020 80-5010 P818097.12000.2100 S94627 (W14YD0043700FR).

8. Upon return to the Republic of Vietnam, named individuals will report to US Offshore Training Representative (JGS Compound, Bldg K490) NLT 1200 hours of the day following the date of return and then to the Offshore Training Branch, CTC/JGS.

9. Special instructions sheet will be compiled with as attached.

10. Authority: DA Air Mail Message 091225Z May 73.

FOR THE DATT:

William E. Fisher

WILLIAM E. FISHER

LTC, USAF

Chief, Training Management Section

DISTRIBUTION:

- 1 HQDA (DAMO-1AM) Wash D.C. 20310
- 1 DIA, ATTN: DS4, DA, Wash D.C. 20301
- 1 CG, US Army Intelligence Comd. ATTN: ICDS, Ft. Holabird, MD 21219
- 1 CG, Sixth US Army, Presidio of San Francisco, San Francisco, CA 94129
- 2 Embassy of the Republic of Vietnam, ATTN: RVNAF Attache, 2251 R Street N.W. Washington, D.C. 20008
- 5 CO, 60th Aerial Port Sqdn. ATTN: TPAX-FSLO, Travis AFB, CA 94535
- 5 Passenger Liaison Office, P.O. Box 1446, Travis AFB, CA 94535
- 1 CINCPAC, ATTN: J85, Box 15, FPO SF 96610
- 2 CINCUSARPAC, ATTN: GPDP-PL, APO 96558
- 4 DAO Compt., ATTN: AOSCO-B
- 7 DAO, AOSOP-OT
- 7 RVNAF CTC
- 2 RVNAF AG/JGS, ATTN: Asgmt Sec
- 2 CINCUSARPAC, ATTN: GPFM-AC, APO 96558
- 50 Ea Indiv -
- 1 CG, First US Army, Fort George G. Meade, MD 20755
- 1 CG Fifth US Army, Fort Sam Houston, Texas 78234
- 10 Comdt, US Army Armor School, Fort Knox, KY 40121
- 10 Comdt, US Army Command & General Staff College, Ft Leavenworth, Kansas 66027
- 2 DAO/AOSSD-AD

HUYNH - Minh - Châu

Paris, ngày 15 tháng 6,

Kính thưa quý ông, quý bà,

Chúng tôi hết sức thành thật cảm ơn quý ông, quý bà đã tình nguyện giúp đỡ những gia đình của sĩ quan trong việc xin đi định cư tại Hoa-Kỳ.

Theo đây chúng tôi có gởi kèm:

- 1 bản "Intake form"
- 1 trích-lục bộ khai sinh của HUYNH-MY DONG
- " " của HUYNH-MINH-TRIẾT
- 1 giấy thể vi hôn-thú cho HUYNH-Minh-Mẫu và HOANG-Liên-Châu -
- 1 giấy ra trại (cải-tạo) của HUYNH-Minh-Mẫu
- 1 danh sách của các người xin đi định cư.
- 1 giấy "Invitational Travel Order Army".


HUYNH - Minh - Châu

GIA ĐÌNH TỰ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM. P.O. BOX 5435 ARLINGTON, VA 22205. 0635

INTAKE FORM

NAME: HUYNH MINH MÂN

DATE, PLACE OF BIRTH: Dec 21, 1926. LONG AN VIETNAM

SEX: MALE

MARITAL STATUS: MARRIED

ADDRESS IN VIETNAM: RR 8 Củ Xá Bắc Hải - Phường 25. Quận 10. Hồ Chí Minh City

POLITICAL PRISONER: YES From June 15, 1975 to August 18, 1984

PLACE OF RE-EDUCATION CAMP: LONG GIAO - SÔNG LA - PHU SƠN 4 (BẮC THÁI)
THANH PHONG (THANH HÒA) HẠM TÂN 230C (THUẬN HẢI)

PROFESSION: CAREER OFFICER

EDUCATION IN US:

1/ Ordnance Advance Course - QACH - From Jan 1958 to June 1958. Ordnance School.
Aberdeen P.G. MARYLAND

OJT from June 1958 to Aug 1958. Raritan Arsenal. NEW JERSEY

2/ Command and General Staff Course - from June 1973 to June 1974

CGS College - Fort Leavenworth - KANSAS

VN ARMY. Rank Lt Col. Position: Inspection team chief - IG. JGS up to April 30, 1975

APPLICATION FOR ODP: YES in 1984. IV Number # Reply none

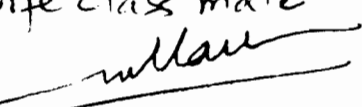
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING: 3

MAILING ADDRESS IN VN: RR 8 Củ Xá Bắc Hải - Phường 25. Quận 10. Hồ Chí Minh City

NAME and ADDRESS OF SPONSOR: ĐẶNG THỊ NGÂN. 1598 DAYTON AVE
SAN LEANDRO. CA 94579. USA.

US CITIZEN: YES

RELATIONSHIP WITH PRISONER: High School Wife Class mate

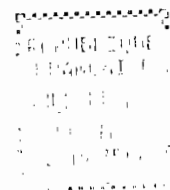
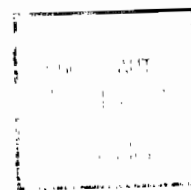
NAME and SIGNATURE: HUYNH MINH MÂN 

RR 8 Củ Xá Bắc Hải - Phường 25 - Q. 10 - Hồ Chí Minh City

DATE: May 9, 1988

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT: HUYNH MINH MÂN

<u>NAME OF DEPENDENT ACCOMPANYING</u>	<u>DATE OF BIRTH</u>	<u>RELATIONSHIP TO P.A.</u>
HOANG LIEN CHAU	1932	WIFE
HUYNH MY-DUNG	1963	DAUGHTER
HUYNH MINH-TRIET	1965	SON



HỘI GIA-ĐÌNH TÙ-NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM

Families of Vietnamese Political Prisoners Association

P.O. Box 5435, ARLINGTON,

VA 22205-0635

JUN 20 1981

LETTRE

U.S.A.

Exp: HUYNH - Minh - Chian

PERMETTRE POUR ENVOI NON CLOS



IV # _____

VEWL.# _____

I-171 : Yes, No

EXIT VISA: Yes No

1. APPLICANT IN VIETNAM HUYNH MINH MIEN
Last Middle First

Current Address RR 8 Cuxa Becerra P.O. Box 210 Hochstadt, CA

Date of Birth 1926 Place of Birth Loma Ariz

Previous Occupation (before 1975) L. Colonel & ARVN
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 06-1975 To 08-1984

3. SPONSOR'S NAME: FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOC.
Name
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone

Relationship

DANG NGAN THI wife's consent

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
<i>Sherry Lee Chan</i>	<i>1932</i>	<i>wife</i>
<i>Sherry Ann Chan</i>	<i>1963</i>	<i>daughter</i>
<i>Sherry Ann Chan</i>	<i>1965</i>	<i>son</i>

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

HỘI NỘI VỤ
Trại **Huỳnh Tấn**
Số **...** (CRI)

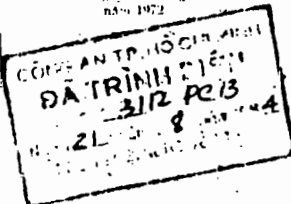
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -- Tự do -- Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 206 ngày 27 tháng 11 năm 1972

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SMSLD

GIẤY RA TRẠI



Theo thông tư số 965-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Ủy Nội vụ:
Thị lệnh nhân văn, quyết định thả với **315** ngày **07** tháng **07** năm **1984**
của **Hội Nội vụ**

Nay cấp giấy thả cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh **HUYỀN MINH MÂN** Sinh năm **1926**
Các tên gọi khác **Huyền Minh Mân**
Nơi sinh **Long An**

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt **RR8 cư xá bắc hải quận 10 T/P HỒ CHÍ MINH**

Can tội **Trung tá trưởng phòng thanh tra BTM**

Bị bắt ngày **15/06/75** An phát **TTCT**

Theo quyết định, án văn số **...** ngày **...** tháng **...** năm **...** của **...**

Đã bị tăng án **...** lần, cộng thành **...** năm **...** tháng **...**

Đã được giảm án **...** lần, cộng thành **...** năm **...** tháng **...**

Nay về cư trú tại **RR8 cư xá bắc hải quận 10 T/P HỒ CHÍ MINH**

Nhận xét quá trình cải tạo

Tư tưởng : Quá trình cải tạo không có biểu hiện gì xấu chịu sự giáo dục của cách mạng

Lao động : tham gia đủ ngày công hoàn thành công việc được giao

Nội quy : chấp hành nghiêm không sai phạm gì lớn

Học tập : tham gia đều nhận được chuyên môn khá

(quản chế 12 tháng)

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã: **Nơi trú quán**

Trước ngày **...** tháng **...** năm **19**

Lưu tay nộp trở lại
của **Huỳnh Minh Mân**

Danh bìn số **...**

Lập tại **...**

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

HUYỀN MINH MÂN

Ngày **18** tháng **08** năm **1984**

P. Giám thị

Đại lý: **TRẦN ĐỨC T**

Hình gửi Hội Cha anh Tôn nhân chính trị Việt Nam

Chúng tôi rất hân hạnh được liên lạc với quý hội, và vô cùng cảm động được sự giúp đỡ nhiệt tình của hội.

Hội tháng 5-1988, chúng tôi đã gửi hồ sơ tây du để vào hội can thiệp cho gia đình chúng tôi được tái định cư sang Huê Kỳ. Sau ngày 9-9-1988, chúng tôi rất lạc quan nhận được thư quý hội cho biết rằng hội đã lên danh sách và can thiệp.

Hội hồ sơ can thiệp chúng tôi đã gửi hội tháng 5-88 rồi, tuy nhiên thư này chúng tôi cũng kèm theo thêm bản sao hồ sơ khác và bản sao giấy ra trại. Riêng có mục diploma và certificate (vì như tôi là tu nghiệp ở Huê Kỳ hai khóa học:

1. Khóa ở Aberdeen (Maryland) 1957-58

2. Khóa ở Ft Leavenworth (Kansas) 1973-74

Chúng tôi có đủ cả, và cũng đã thất lạc vì biến cố 1975. Tôi đang xin với hai trưởng trên để được cấp bản sao của những bằng cấp này, khi nhận được chúng tôi sẽ gửi sang ngay quý hội.

Xin hội liên lạc với người như tôi ở Paris thì hội gian chừng nào từ sẽ thu ngân hơn.

Xin quý hội nhận nơi đây lời cảm ơn nồng nhiệt của chúng tôi. Cầu chúc quý hội thành công trên con đường phục vụ anh em.

Phyllis

H. C. H. H.

CHUYỀN MINH MẬT

và Nguyễn Minh Mật

EMBASSY OF THE
UNITED STATES OF AMERICA
DEFENSE ATTACHE OFFICE
PFO San Francisco 96620

AOSOP-OT
LETTER ORDERS
NUMBER 6-67

5 June 1973

SUBJECT: Invitational Travel Order Army VS- 001-74 (1) (Service)

Grade; Name; Svc No; Branch; (US Equiv Grade); Score and Date of ECL

TO: Trung Ta Huynh Minh MAN 46/103.031 ORL (LTC) (OIC) 89/21 Apr 73
Trung Ta Do Trong KHOI 52/301.910 SF (LTC) 88/21 Apr 73
Trung Ta Nguyen Van KHA 52/305.686 INF (LTC) 85/21 Apr 73
Trung Ta Quoc TUAN 48/300.366 FIN (LTC) 84/21 Apr 73
.....NO OTHERS

7109A	N1G	VW33	B171768	1-250-C2	
7109B	N1D	VW34	B149544	8A-F6	18P
(WCN)	(GEN)	(RCN)	(ITEM NO.)	(CRS NO.)	(QS)

1. The individuals listed above, members of the Army of the Republic of Vietnam (ARVN), are authorized and invited to proceed on or about 17 June 1973 from their present stations to the continental United States arriving at Travis AFB, CA., or San Francisco International Airport as applicable, for the purpose of attending courses indicated below:

a. Course, School, and Location (in order of attendance): (1) Command and General Staff Officer Course, U.S. Army Command and General Staff College, Ft Leavenworth, Kansas; (2) Senior Officer Preventive Maintenance, U.S. Army Armor School, Fort Knox, Kentucky.

b. Reporting dates: (1) 19 Jun 73 (2) 9 Jun 74

c. Ending dates: (1) 7 Jun 74 (2) 14 Jun 74

2. If travel is performed on MAC aircraft, the individuals named herein will report upon arrival in the United States to Passenger Liaison Office, Allied Liaison Section (Rm 42 Main Terminal Building), Travis AFB, CA., who will issue a transportation request for travel to Fort Leavenworth, Kansas.

3. Upon completion of training, the named individuals are authorized 15 days leave in CONUS under the provisions of para 2-23a(1), AR 550-50. Upon completion of training/leave they will return to Travis AFB, CA., for transport to proper station in Vietnam. Commercial transportation authorized when military transportation is not available.

4. US Security requirements have been complied with.

5. Individuals named herein are authorized to transport 66 lbs of personal baggage and 34 lbs of excess baggage for a total of 100 lbs gross weight of personal baggage

at MAP expense to the United States and return, IAW AR 550-50. Baggage will accompany the trainee. Retainable instructional material will be shipped in accordance with para. 6-23, AR 550-50, chargeable to the fund citation in para. 7 this order.

6. No training other than that specified in para. 1 above will be conducted on the basis of these orders. The Government of the Republic of Vietnam has authorized the individuals to participate in flights in military aircraft during training. Travel by military aircraft on a space available basis is not authorized.

7. Living allowance authorized while in the United States will be IAW para. 6-27, AR 550-50. The finance officer effecting disbursement of funds will forward one copy of the executed voucher to the DAO Comptroller, ATTN: AOSSS-CU, FPO San Francisco 96620. Travel and living allowance expenses authorized are chargeable to: TRAVEL 2132020 80-5010 P818097.12000.2190 S94627 (W13YD0043799FR) CIC 2032020 080 94627. PERDIEM 2132020 80-5010 P818097.12000.2100 S94627 (W13YD0043700FR). Beginning 1 July 1973 are chargeable to: TRAVEL 2142020 80-5010 P818097.12000.2190 S94627 (W14YD00437FR) CIC 20420 20 080 94627. PERDIEM 2142020 80-5010 P818097.12000.2100 S94627 (W14YD0043700FR).

8. Upon return to the Republic of Vietnam, named individuals will report to US Offshore Training Representative (JGS Compound, Bldg K490) NLT 1200 hours of the day following the date of return and then to the Offshore Training Branch, CTC/JGS.

9. Special instruction sheet will be compiled with as attached.

10. Authority: DA Air Mail Message 091225Z May 73.

FOR THE DATT:

William E. Fisher

WILLIAM E. FISHER

LTC, USAF

Chief, Training Management Section

DISTRIBUTION:

- 1 HQDA (DAMO-1Arl) Wash D.C. 20310
- 1 DIA, ATTN: DS4, DA, Wash D.C. 20301
- 1 CG, US Army Intelligence Comd. ATTN: ICDS, Ft. Holabird, MD 21219
- 1 CG, Sixth US Army, Presidio of San Francisco, San Francisco, CA 94129
- 2 Embassy of the Republic of Vietnam, ATTN: RVNAF Attache, 2251 R Street N.W. Washington, D.C. 20008
- 5 CO, 60th Aerial Port Sqdn. ATTN: TPAX-FSLD, Travis AFB, CA 94535
- 5 Passenger Liaison Office, P.O. Box 1446, Travis AFB, CA 94535
- 1 CINCPAC, ATTN: J85, Box 15, FPO SF 96610
- 2 CINCUSARPAC, ATTN: GPOP-PL, APO 96558
- 4 DAO Compt., ATTN: AOSCO-B
- 7 DAO, AOSCP-OT
- 7 RVNAF CTC
- 2 RVNAF AG/JGS, ATTN: Asgmt Sec
- 2 CINCUSARPAC, ATTN: GPFM-AC, APO 96558
- 50 Ea Indiv -
- 1 CG, First US Army, Fort George G. Meade, MD 20755
- 1 CG Fifth US Army, Fort Sam Houston, Texas 78234
- 10 Condt, US Army Armor School, Fort Knox, KY 40121
- 10 Condt, US Army Command & General Staff College, Ft Leavenworth, Kansas 66027
- 2 DAO/AOSSD-AD

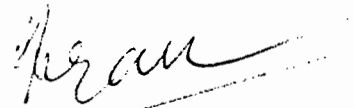
ASSOCIATION OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONER'S FAMILY

Vietnamese Political Prisoner's Data
(Out of camp)

gò, card
OPP
thiết mẫu
Chữ Hô Sơ
bố tử

1. Full name of Information provider:
DANG, NGAN THI
2. Naturalization certificate no. 11032051- San Francisco 7-24-79
3. Present address; 1598 Dayton Ave. San Leandro, Ca.94579
Phone: (415) 352-7183
4. Relationship: Wife's Cousin
5. Full name of Ex-political prisoner: HUYNH, MAN MINH
6. Date and Place of birth: 12-21-1926 at Tan An
7. Position/Rank/Serial no. before April 1975:
Lieutenant-Colonel - Serial no. 46A103031
8. Last position/Unit of Service:
I.G team chief/Directorate of IG-JGS
9. Month-Date-year arrested: June 15 1975
10. Month-date-year out of camp: August 18 1984
11. Present mailing address of Ex-political prisoner in Vietnam:
RR8 Cu Xa Bac Hai - Phuong 25 - Quan 10
Thanh Pho HO CHI MINH, VIETNAM
12. List full name, DOB/POB of Ex-political Prisoner immediate family:
Wife: HOANG, CHAU LIEN, 1932 Cao Bang
Daughter: HUYNH, DUNG MY, 1963 Saigon
Son: HUYNH, TRIET MINH 1965 Saigon
13. Have you submitted the application for family reunification?
If you have:
USCC Reference no. 75619 - Nov.6 1984
14. Comment/Recommendation.

Signature of Information Provider,



DANG, NGAN THI

RECEIVED
MAY 02 1985

NGAN THI DANG



P. BOX 21305

SAN JOSE, CA.95151



THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯƠNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 6744821 CN

Họ và tên chủ hộ: HOÀNG LIÊN CHÂU

Ấp, ngõ, số nhà: R.R. 8

Thị trấn, đường phố:

Xã, phường:

Huyện, quận:

Hồng Lĩnh
Mười lăm 5-3-87
Mười

CHỖ Ở MỚI

Ngày 10 tháng 03 năm 82

Trưởng công an

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



PHỦ CÔNG AN QUẬN 5
LƯU ANH QUANG

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỌ

[illegible]



FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL
PRISONERS ASSOCIATION
(Hội Gia-Đình Tù-Nhân Chính-Trị Việt-Nam)

260

P.O. Box 5435, ARLINGTON
VA 22205-0635

hội gia đình tù nhân
chính trị Việt Nam

OCT 27 1988

U.S.A.



From: HUYNH-Minh-Châu

CONTROL

____ Card
____ Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date
____ Membership; Letter France 9/9/88